TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 283/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 20 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 242/2025/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Viết H, sinh năm 1997; căn cước công dân số 046097005976, cấp ngày 01/9/2022, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn H1, xã B, thành phố Huế.

- Chị Lê Thị Minh T, sinh năm 1997; căn cước công dân số 046197000558, cấp ngày 06/4/2021, tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Số 18/140 đường N, phường T, thành phố Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Viết H và chị Lê Thị Minh T tự nguyện đăng ký hôn vào ngày 25/10/2017 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường T, thành phố Huế) nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh H và chị T chung sống hạnh phúc được gần 01 năm, đến cuối năm 2017 thì thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không còn phù hợp, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh H và chị T đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay anh H và chị T đã hết tình cảm, không thể quay lại chung sống với nhau nên anh chị yêu cầu Toà án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được,

việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh H và chị T.

[2] Về con chung: Anh Lê Viết H và chị Lê Thị Minh T xác nhận có 03 con chung là Lê Ngọc An N, sinh ngày 08/4/2017, Lê Ngọc An N1, sinh ngày 11/5/2019 và Lê Viết H1, sinh ngày 09/4/2021, các con hiện nay đang ở cùng với chị T.

Anh H và chị T thỏa thuận giao 03 con chung Lê Ngọc An N, Lê Ngọc An N1 và Lê Viết H1 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh H không cấp dưỡng nuôi con.

Sự thỏa thuận về nuôi con chung và không cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Anh H và chị T trình bày không có tài sản chung; vợ chồng không vay nợ ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Lê Viết H và chị Lê Thị Minh T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Lê Viết H và chị Lê Thị Minh T xác nhận có 03 con chung là Lê Ngọc An N, sinh ngày 08/4/2017, Lê Ngọc An N1, sinh ngày 11/5/2019 và Lê Viết H1, sinh ngày 09/4/2021.

Giao 03 con chung là cháu Lê Ngọc An N, Lê Ngọc An N1 và Lê Viết H1 cho chị Lê Thị Minh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); Anh Lê Viết H không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung:* Anh Lê Viết H và chị Lê Thị Minh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nghĩa vụ về tài sản:* Anh Lê Viết H và chị Lê Thị Minh T xác nhận không vay nợ ai, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Lê Viết H và chị Lê Thị Minh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000422 ngày 06/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Huế. Anh H và chị T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 - Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND P. T, TP. Huế (*ĐKKH số 47 ngày 25/10/2017 tại UBND P. P, TP. Huế cũ);*
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Văn Hạnh